

# THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN TINH THẦN DOANH NHÂN CỦA SINH VIÊN HỌC CHƯƠNG TRÌNH TIÊN TIẾN - CHẤT LƯỢNG CAO TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Lê Ngọc Thông\*

*Tinh thần doanh nhân và tinh thần sáng tạo có ảnh hưởng quan trọng đến việc phát triển kinh tế trong thời đại ngày nay. Tinh thần này cần được phát triển ngay từ lứa tuổi sinh viên. Bài viết phân tích các nguyên lý cơ bản của tinh thần doanh nhân nói chung, từ đó đánh giá quá trình phát triển tinh thần doanh nhân của sinh viên theo học chương trình tiên tiến tại Đại học Kinh tế Quốc dân. Dựa trên các kết quả, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm rèn luyện, phát triển tinh thần doanh nhân của sinh viên.*

**Từ khóa:** doanh nhân; giải pháp phát triển tinh thần doanh nhân; sinh viên; tinh thần; tinh thần doanh nhân; yếu tố chi phối tinh thần doanh nhân;

## 1. Giới thiệu bài viết

Muốn xây dựng nền kinh tế thịnh vượng cần phải tôn vinh tinh thần doanh nhân (TTDN) và tinh thần sáng tạo lấy hiệu quả kinh tế làm trung tâm. Đó là một giải pháp hữu hiệu đưa tới sự thành công của nhiều quốc gia hùng mạnh như Nhật Bản, Hàn Quốc. Sau nhiều năm xây dựng, Việt Nam vẫn nghèo, vẫn yếu kém về khoa học kỹ thuật. Một trong các nguyên nhân của tình trạng trên là: TTDN, tinh thần sáng tạo khởi nghiệp chưa được xây đắp để trở nên bản thể của văn hóa Việt Nam. Do vậy, TTDN và tinh thần sáng tạo khởi nghiệp cần phải được nhanh chóng khởi phát mạnh mẽ, bắt đầu từ thay đổi tâm thức của thế hệ trẻ, của sinh viên (SV) trên con đường kiến quốc dựng nghiệp. Dẫn tới, việc nghiên cứu TTDN (trên bình diện lý luận và thực tiễn) và đề ra các giải pháp phát triển tinh thần doanh nhân cho SV là việc làm có ý nghĩa to lớn trong điều kiện mới của Việt Nam hiện nay.

## 2. Nhận thức về “Tinh thần doanh nhân”

Nhà kinh tế học viện Kinh tế học Áo Joseph Schumpeter đã sử dụng lần đầu thuật ngữ “Tinh thần doanh nhân”. TTDN là tinh thần sẵn sàng và quyết tâm chuyển đổi những ý tưởng sáng tạo thành những hoạt động đổi mới trong hoạt động kinh doanh; dám chấp nhận rủi ro và dám nghĩ, dám làm. TTDN là những giá trị cốt lõi thuộc về tố chất, năng lực và phẩm chất đạo đức mà doanh nhân có và theo đuổi. Về mặt cấu trúc, ngoài tri thức, TTDN còn có thái độ trách nhiệm, ý nghĩ, tình cảm sâu sắc với công việc kinh doanh, ý chí ham muốn thành công,

khát vọng làm giàu, tính bền bỉ, kiên trì với ý tưởng sáng tạo, kiên quyết, dám chấp nhận mạo hiểm. Nó là cái sâu sắc nhất, cốt lõi nhất của hành động kinh doanh. Người có TTDN thể hiện được các năng lực tương ứng:

+ Có đầu óc doanh nghiệp biết kết hợp và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực hiện có vào công việc kinh doanh.

+ Nhanh nhạy phát hiện và đánh giá những cơ hội, những may mắn trong công việc làm ăn, và thành công trong việc tiếp cận các cơ hội may mắn ấy.

+ Năng lực hành động và tưởng tượng, có nhân cách mạnh mẽ, đầy trách nhiệm, chấp nhận mạo hiểm và rủi ro để đạt tới những mục tiêu.

Qua đó, phản ánh các dấu hiệu để nhận diện người có TTDN: thể hiện như một người lãnh đạo, đứng sau những sự kiện kinh tế, nhìn về tương lai, và mong muốn tình trạng trong tương lai sẽ tốt hơn tình trạng thực tại; có khả năng thu phục, cuốn hút người khác làm theo ý tưởng kinh doanh mới, truyền bá cho mọi người, nhân rộng niềm tin tới nhiều người chung quanh. TTDN có tác dụng ảnh hưởng tích cực tới đời sống kinh tế- xã hội: tạo ra một sự đổi mới sáng tạo trên phạm vi rộng trong nền kinh tế, hình thành nên những ngành nghề kinh doanh và mô hình kinh doanh mới, thay thế cho những mô hình cũ lạc hậu, kém hiệu quả; góp phần cho sự tăng trưởng kinh tế nhanh và vững chắc.

Với TTDN, “doanh nhân được nhận diện và phân biệt với những người làm nghề kinh doanh khác như

nhà quản trị, thương gia... bởi các yếu tố cốt lõi của tinh thần kinh doanh là: Khả năng nắm bắt cơ hội kinh doanh, sự khởi nghiệp (new venture startup); thái độ chấp nhận rủi ro (taking risk); tính sáng tạo-đổi mới (creative - innovation); đạt những thành quả (hay phần thưởng) có tính bền vững (reward)” (Nguyễn Việt Lộc, 2011).

Do vậy, người có TTDN thực sự là người chủ xã hội, dám nghĩ, dám làm, người chủ với tinh thần trách nhiệm cao và tài năng, góp phần to lớn vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội.

Với sinh viên, TTDN thể hiện qua các tiêu chí cơ bản sau:

- + Tha thiết mong đợi được thực hành nghề nghiệp
- + Có ý tưởng kinh doanh rõ ràng
- + Sẵn sàng và tích cực thực hiện ý tưởng kinh doanh
- + Mong muốn và nhanh chóng thành lập công ty riêng
- + Có khả năng tạo vốn, tìm vốn kinh doanh.
- + Sẵn sàng và có khả năng vượt qua các rào cản trong quá trình thành lập công ty
- + Có khả năng và hứng thú tham gia các lớp, các khóa bồi dưỡng TTDN.

Trên thực tế, có “nhiều mô hình về tinh thần doanh nhân, trong đó có tinh thần của các doanh nhân nhỏ (những người điều hành doanh nghiệp gia đình) và những công ty hoạt động trong các ngách của thị trường,... Tinh thần Doanh nhân cao độ, với các doanh nghiệp mới thành lập, quy mô vừa phải nhưng muốn làm dịch chuyên nhiều ngành công nghiệp toàn cầu. Tinh thần doanh nhân cao độ này có đặc trưng là: từ việc vận dụng các tài năng chuyên môn (kỹ sư, nhà khoa học, nhà quản lý doanh nghiệp và người làm marketing...) cho đến thương mại hóa các ý tưởng cải tiến triệt để.” (Phạm Duy Đức, 2008).

### 3. Thực tế tinh thần doanh nhân của sinh viên học chương trình tiên tiến – chất lượng cao tại trường đại học Kinh tế quốc dân

Hướng phân tích của phần này được khái quát như sau: Xuất phát từ nội dung lý luận cơ bản về TTDN; lập bản hỏi điều tra với sinh viên liên quan; phân tích các kết quả từ số bảng hỏi đã thu hồi được để rút ra nhận xét, đánh giá.

Như trên đã trình bày, tinh thần doanh nhân của sinh viên gồm các nội dung cơ bản: mong đợi nghề nghiệp; ý định và mức độ thực hiện ý định kinh doanh; sở thích ngành nghề kinh doanh; khả năng tạo nguồn vốn kinh doanh;... Các nội dung đó được

thể hiện qua việc trả lời trong bảng hỏi điều tra. Bảng hỏi phát ra và thu hồi được từ sinh viên học chương trình tiên tiến – chất lượng cao tại trường đại học Kinh tế quốc dân.

Trong đó: nam sinh 45,1%; nữ sinh 51,1%; Số phiếu không ghi giới tính 3,7%

Từ các bảng hỏi đã thu hồi lại được, việc phân tích tinh thần doanh nhân của sinh viên học chương trình tiên tiến – chất lượng cao tại trường đại học Kinh tế quốc dân theo 2 bước:

Bước thứ nhất, phân tích kết quả từ việc sinh viên tự đánh giá TTDN của bản thân. Bước này nhằm phân định lượng sinh tham gia khảo cứu thành 2 nhóm:

- Nhóm thể hiện khá rõ TTDN của bản thân, thể hiện xu hướng làm chủ doanh nghiệp.
- Nhóm thể hiện mờ nhạt hoặc không có TTDN của bản thân.

Bước thứ 2, Từ việc trả lời của sinh viên (chủ yếu ở nhóm một) cho các câu hỏi trong bảng hỏi, phân tích tìm ra các yếu tố thể hiện TTDN của sinh viên học chương trình tiên tiến– chất lượng cao tại trường đại học Kinh tế quốc dân. Bước này nhằm đánh giá đúng thực trạng TTDN của sinh viên học chương trình tiên tiến– chất lượng cao tại trường đại học Kinh tế quốc dân, tìm nguyên nhân; sau đó đối chiếu tìm ra sự khác biệt với TTDN của sinh viên học tại các chương trình truyền thống; từ sự đánh giá đó, đề xuất một số giải pháp tương ứng.

#### 3.1. Kết quả của việc tự kiểm, đánh giá TTDN của bản thân SV học chương trình TT – CLC

Bảng trắc nghiệm với 20 câu hỏi, sinh viên chọn phương án “đồng ý” hoặc “không đồng ý”. Trong số sinh viên học chương trình tiên tiến– chất lượng cao tham gia trả lời, kết quả:

- 36,4% chọn phương án “có” cho từ 10 câu trở lên;
- 63,6% chọn phương án “có” cho dưới 10 câu.

Như vậy, khoảng 36,4% sinh viên có phẩm chất của doanh nhân. Số đông còn lại chưa thể hiện hoặc thể hiện rất mờ nhạt phẩm chất doanh nhân. Họ không muốn tự kinh doanh, với nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân là sự quá nặng gánh gia đình vì lợi ích trước mắt (từ 89%- 93%). Tiếp đến là nguyên nhân mặc cảm, tự ti do thất bại 92%.

#### 3.2. Kết quả khảo sát bằng bảng hỏi, thể hiện các nội dung TTDN của SV học chương trình TT– CLC

3.2.1. Xem xét TTDN của sinh viên trên phương diện lựa chọn mong đợi nghề nghiệp hay tính hướng nghiệp khi ra trường (qua câu hỏi 1).

**Bảng 1. Hướng nghiệp khi ra trường của SV học chương trình TT – CLC**

STT	Mong đợi nghề nghiệp	Tỷ lệ chọn %
1	Thành lập công ty, làm chủ công ty	37,5
2	Trở thành nhân viên	25
3	Tiếp quản các công ty có sẵn	33,3
4	Làm việc sự nghiệp (du lịch, gia đình,...)	4,2

(Nguồn: Tác giả tự xây dựng)

Kết quả điều tra bằng bảng hỏi (Bảng 1).

Ý nghĩa của bảng 1.

Căn cứ vào kết quả bảng hỏi có thể chia thành các nhóm lựa chọn:

- Người sáng lập công ty – làm chủ- tự kinh doanh 37,5%;
- Nhân viên – làm công ăn lương – làm thuê 25%;
- Người kế nhiệm 33,3%;
- Nhóm người khác – không thực hiện chuyên môn được đào tạo 4,2%.

Điều này cũng tương ứng với sự khẳng định trong phần trên. Khi sinh viên ra trường, dường như khá đồng đều giữa các nhóm lựa chọn đúng chuyên ngành, chỉ có một số nhỏ 4,2% thích làm việc khác chuyên môn đã được đào tạo.

Trong khi đó, đối chiếu với nhóm sinh viên hệ truyền thống, có sự khác biệt rất dễ nhận ra:

- Người sáng lập công ty – làm chủ - tự kinh doanh là 17%;
- Nhân viên – làm công ăn lương – làm thuê là 64%;

- Người kế nhiệm là 15%;

- Nhóm người khác – không thực hiện chuyên môn được đào tạo là 4%.

Tại nhóm 1 (lựa chọn sẽ làm chủ) của sinh viên tiên tiến – chất lượng cao hơn so với sinh viên các hệ khác. Nhóm này theo nghiên cứu của GUESSS (GUESSS - dự án nghiên cứu, đánh giá ý định và hành vi kinh doanh của sinh viên kinh doanh qua tìm hiểu hồ sơ cá nhân về mục tiêu nghề nghiệp, ý định thành lập, hoạt động kinh doanh của họ và môi trường kinh doanh trong các trường đại học) tại Nga là 11,7%, của cả thế giới là 11%. (Galina Shirokova- Alexander Kulikov, 2011);

Có độ lệch đó là từ đâu?

Xem xét TTDN của sinh viên trên phương diện xuất hiện ý tưởng kinh doanh.

Kết quả điều tra bằng bảng hỏi (Bảng 2).

Ý nghĩa của bảng 2.

Các kết quả trên tập trung chủ yếu vào sở thích của học sinh. Phần này xem xét ý định kinh doanh của sinh viên, cũng như những hoạt động do sinh viên thực hiện trong việc tạo ra các điều kiện cho

**Bảng 2. Xuất hiện ý tưởng kinh doanh của SV học chương trình TT –CLC**

STT	Ý định kinh doanh	Tỷ lệ chọn %
1	Không bao giờ	41,6
2	Thoáng qua một cách sơ sài	37,5
3	Xuất hiện nhiều lần	33,3
4	Ý tưởng bền vững	37,4
5	Có quyết định thành lập công ty	33,3
6	Đã lập kế hoạch thành lập công ty	29,2
7	Bắt tay vào thực hiện công việc	16,7
8	Tự kiểm soát công việc	45,8
9	Đã thành lập được nhiều công ty	29,2

(Nguồn: Tác giả tự xây dựng)

kinh doanh. Bảng 2 cũng cho thấy ý định kinh doanh của sinh viên Việt Nam, sinh viên Nga và sinh viên trên thế giới có chung xu hướng: phần lớn học sinh (36%, 34,2% và 39,1%, tương ứng), chỉ thỉnh thoảng nghĩ về việc kinh doanh của họ. Điều đó chứng tỏ sinh viên nói chung trên thế giới chưa trăn trở về nghề nghiệp kinh doanh, thậm chí, suy nghĩ về xây dựng quá trình kinh doanh cũng chưa được nghiêm túc đầy đủ. Nhưng đã có những tỷ lệ phần trăm nhất định, trong số người được hỏi đã đưa ra một quyết định tích cực, và đã có một kế hoạch hành động cụ thể trong thực tế để xây dựng kinh doanh.

**3.2.2. Xem xét TTDN của sinh viên trên phương diện mức độ thôi thúc thực hiện ý tưởng kinh doanh**

Kết quả điều tra bằng bảng hỏi (Bảng 3).

Ý nghĩa của bảng 3.

Số người tham gia trả lời là ít, do đây là câu hỏi tiếp theo khi sinh viên có ý tưởng thành lập công ty để trở thành chủ, thành các doanh nhân. Nối tiếp từ câu trên, 37,5% sinh viên có ý định lập công ty riêng. Trong số 37,5% này, có một số trực tiếp xúc tiến các hoạt động xây dựng kinh doanh:

- 77,8% (=29,2/37) số người có ý định kinh doanh đã có quyết định ngày thành lập công ty.
- 55,4% (=20,8/37,5) số người có ý định kinh doanh đã xúc tiến việc vay vốn bằng cách yêu cầu tổ chức tài chính tài trợ.
- 33,4% (=12,5/37,5) xây dựng thị trường bằng cách tiếp cận và thảo luận với khách hàng tiềm năng.

- 66,7% (=25/37,5) xúc tiến sản xuất, phát triển sản phẩm.

Trong đó còn 1 số hoạt động khác thể hiện tinh thần doanh nhân, thực hiện ý tưởng kinh doanh. Nhưng vẫn còn 22% (=8,3/37,5) chỉ dừng lại ở suy nghĩ về kinh doanh mà chưa thực hiện bất kỳ hoạt động nào cho xây dựng hoặc thực hiện kinh doanh.

Đến đây trong mẫu khảo sát tinh thần doanh nhân của sinh viên chỉ còn lại 28% thể hiện đúng ý chí nguyện vọng tự kinh doanh, 8% còn chưa triển khai thực hiện ý tưởng kinh doanh.

**3.2.3. Xem xét TTDN của sinh viên trên phương diện biến ý tưởng thành hiện thực (từ ý tưởng tới thực hiện thành lập công ty riêng của sinh viên).**

Kết quả điều tra bằng bảng hỏi (Bảng 4).

Ở đây, khẳng định mức độ hiện thực hóa ý định kinh doanh, tùy điều kiện mà sự hiện thực hóa đó có thể là nhanh hay chậm từ 1 đến 10 năm hoặc lâu hơn.

Trong số sinh viên tham gia trả lời (chỉ áp dụng với các sinh viên đã có ý tưởng tự kinh doanh hay có mong muốn làm chủ công ty) có:

33,3% sinh viên (88,8% = 33,3/37,5) có quyết định ngày thành lập công ty và thực hiện thành lập công ty trong vòng 10 năm. Theo ý nghĩa của con số này, sau khi ra trường 10 năm sẽ có khoảng 30% sinh viên ra trường đã lập công ty riêng nhưng chưa cho biết sự tồn tại của các công ty đó như thế nào.

Từ phần này sẽ tìm hiểu về các yếu tố tác động tới việc hình thành tinh thần doanh nhân của sinh viên các trường đại học khối kinh tế.

**Bảng 3. Mức độ thôi thúc thực hiện ý tưởng kinh doanh của SV học chương trình TT – CLC**

stt	Mức độ thôi thúc thực hiện ý tưởng KD	Tỷ lệ chọn %
1	Quyết định ngày thành lập	29,2
2	Yêu cầu tổ chức tài chính tài trợ	20,8
3	Tiếp cận và thảo luận với khách hàng tiềm năng	12,5
4	Làm việc phát triển sản phẩm	25
5	Mua sắm thiết bị	12,5
6	Tìm kiếm đối tác tiềm năng	12,5
7	Xác định được cơ hội thị trường	20,8
8	Xây dựng kế hoạch kinh doanh	16,7
9	Hình thành ý tưởng kinh doanh chủ yếu	8,3
10	Không làm gì cho đến nay	8,3

(Nguồn: Tác giả tự xây dựng)

**Bảng 4. Thời gian dự kiến biến ý tưởng thành hiện thực kinh doanh của SV học chương trình TT –CLC**

stt	Thời gian thực hiện ý tưởng	Tỷ lệ chọn %
1	Khoảng 1 năm	12,5
2	Từ 2 – 5 năm	20,8
3	Từ 6 – 10 năm	00
4	Hơn 10 năm	8,3

*(Nguồn: Tác giả tự xây dựng)*

**3.2.4. Xem xét TTDN của sinh viên trên phương diện nguồn gốc ý tưởng kinh doanh**

Kết quả điều tra bằng bảng hỏi (bảng 5).

Tỷ lệ lựa chọn thấp nhất ở đây là phương án: ý tưởng kinh doanh xuất phát từ công việc đã hoặc đang làm. Điều đó cho thấy, sinh viên trong quá trình học tập, ít trực tiếp tham gia các công việc thực tế. Nhưng phương án lựa chọn nhiều nhất là phương án: ý tưởng kinh doanh xuất phát từ bạn bè ngoài trường; tiếp đến là từ nghiên cứu, ứng dụng học thuật. Với việc lựa chọn này cho thấy, sinh viên có sự giao lưu rộng với ngoài xã hội; và khẳng định yếu tố tự nghiên cứu, tự khẳng định bản thân. Ở mức độ trung bình là phương án lựa chọn từ môi trường, từ quá trình học đại học. Điều này cho thấy, trường đại học, không phải là yếu tố mạnh mẽ nhất, càng không phải là yếu tố duy nhất tác động hình thành TTDN cho sinh viên.

**3.2.5. Xem xét TTDN của sinh viên trên phương diện dự kiến về nguồn vốn kinh doanh tiềm năng của họ**

Kết quả điều tra bằng bảng hỏi (bảng 6).

Ý nghĩa của bảng 6.

Qua bảng 6 thấy, để xây dựng công việc kinh doanh, sinh viên đã thấy được vai trò của vốn trong kinh doanh, đồng thời họ cũng đã dự kiến tới nguồn

hình thành nên vốn đó. Với sinh viên tham gia trả lời, nguồn vốn họ sẽ dùng chủ yếu là vay; vốn chủ sở hữu cũng được nhắc tới nhưng không phải là nguồn chính. Điều đó khẳng định, những sinh viên đi tới bước này đã có tầm nhìn xa hơn thực tại. Nhưng vẫn còn một số không nhỏ (45,8%) chưa dự tính tới nguồn vốn kinh doanh, có thể là sự tự tin ở mức độ cao, hoặc chưa lường tới các khó khăn (rào cản) trong kinh doanh.

**3.2.6. Xem xét TTDN của sinh viên trên phương diện phát hiện các rào cản trong quá trình thành lập công ty**

Kết quả điều tra bằng bảng hỏi (Bảng 7).

Ý nghĩa của bảng điều tra (Bảng 7).

Tất cả sinh viên tham gia trả lời đều khẳng định có rào cản, thậm chí có nhiều rào cản trong quá trình thành lập công ty, bằng chứng là có sinh viên chọn nhiều phương án về các rào cản này. Trong các rào cản, lớn nhất được nhiều sinh viên chú ý hơn đó là rào cản từ vốn tài chính (nợ và vốn chủ sở hữu). Đằng sau sự lựa chọn đó, cho thấy khả năng thiếu vốn trong kinh doanh là rất lớn. Chính vì vậy, có tới 45,8% sinh viên đi tới câu hỏi này chưa biết tìm nguồn vốn kinh doanh từ đâu. Các rào cản ở đây được sinh viên lựa chọn khá toàn diện. Mức độ trầm trọng của các rào cản theo sinh viên không quá

**Bảng 5. Nguồn gốc ý tưởng kinh doanh của SV học chương trình TT – CLC**

stt	Nguồn gốc ý tưởng kinh doanh	Tỷ lệ lựa chọn %
1	Từ công việc đã hoặc đang làm	16,7
2	Từ sở thích	33,4
3	Từ quá trình học đại học	29,2
4	Từ nghiên cứu, ứng dụng học thuật,	37,5
5	Từ bạn bè cùng học	29,2
6	Từ bạn bè ngoài trường	41,6
7	Từ gia đình	34,1

*(Nguồn: Tác giả tự xây dựng)*

**Bảng 6. Nguồn vốn kinh doanh tiềm năng của SV học chương trình TT – CLC**

STT	Nguồn vốn kinh doanh tiềm năng	Tỷ lệ lựa chọn %
1	Quỹ riêng	25,1
2	Vốn vay từ gia đình và bạn bè	33,4
3	Tiền thưởng	23,2
4	Trợ cấp	31,6
5	Vốn từ các nhà đầu tư	32,7
6	Chưa biết	45,8

(Nguồn: Tác giả tự xây dựng)

chênh lệch.

3.2.7. Xem xét TTDN của sinh viên trên phương diện phát hiện các yếu tố thực tế tác động tới tinh thần doanh nhân của sinh viên

Kết quả điều tra bằng bảng hỏi (bảng 8).

Ý nghĩa của bảng điều tra (bảng 8).

Trong các yếu tố thực tế tác động tới tinh thần doanh nhân của sinh viên, yếu tố đóng vai trò quan trọng hơn cả là 2 yếu tố: sự hỗ trợ về tài chính từ đại học và kế hoạch kinh doanh (58,3% và 57,2%). Qua đó cho thấy, sinh viên đánh giá cao vai trò của tài chính hỗ trợ và vai trò của sự sáng tạo, tích cực trong lập kế hoạch chương trình hành động. Qua đó, cho thấy có rất nhiều yếu tố tác động tới TTDN của sinh viên. Các yếu tố trên đều tác động theo 2 chiều thuận và nghịch. Nhưng tại đây, điểm trung bình của các yếu tố đều nhỏ hơn 3. Điều đó cho thấy, sinh viên khẳng định; các yếu tố nêu trên tác động thuận lớn hơn tác động nghịch.

Ngoài các yếu tố trên tác động tăng cường TTDN của sinh viên, một yếu tố khác vô cùng quan trọng

đối với vấn đề này là vai trò của Chính phủ; “điều đầu tiên mà bất kỳ Chính phủ nào đang mong muốn khuyến khích doanh nghiệp nhỏ nên làm là xây dựng quỹ cho vay có bảo lãnh của liên bang. Việc tiếp cận vốn dễ dàng sẽ tạo nền móng vững chắc cho khu vực doanh nghiệp nhỏ sống động” (Steve Strauss, 2006).

Công việc kinh doanh do chủ các doanh nghiệp (doanh nhân) thực hiện. Nên các chính phủ đã thực thi các chính sách khuyến khích sự phát triển của các doanh nghiệp. Chính phủ có thể đem lại những ảnh hưởng tích cực qua các giải pháp nhằm tạo điều kiện tiếp cận vốn dễ dàng; đào tạo tinh thần doanh nhân: xây dựng “vườn ươm doanh nghiệp”- cơ sở giúp những doanh nghiệp mới bắt đầu có chỗ để phát triển, thường gắn liền với các trường đại học; sử dụng Internet giới thiệu các khóa đào tạo trực tuyến, giảng dạy kỹ năng và ý tưởng kinh doanh; thuê chuyên gia về doanh nghiệp vừa và nhỏ giảng dạy kỹ năng kinh doanh trực tuyến; cổ vũ và thúc đẩy sự hình thành các doanh nghiệp mới (nhỏ).

Nhận định chung về TTDN của sinh viên tiên

**Bảng 7. Các rào cản trong quá trình thành lập công ty của SV học chương trình TT – CLC**

STT	Các rào cản khi thành lập công ty	Tỷ lệ lựa chọn %
1	Rào cản từ vốn tài chính (nợ và vốn chủ sở hữu)	58,3
2	Pháp luật nhà nước (luật lệ và quy định)	45,8
3	Thiếu các ý tưởng kinh doanh đúng đắn	33,4
4	Các kỹ năng và khả năng cần thiết	41,6
5	Bí quyết kỹ thuật	37,5
6	Khối lượng công việc cao của một doanh nhân	29,2
7	Mang rủi ro tài chính	32,5
8	Thiếu tiếp xúc với khách hàng / khách hàng	33,4
9	Environment kinh tế chung	36,7

(Nguồn: Tác giả tự xây dựng)

**Bảng 8. Các yếu tố thực tế tác động tới TTDN của SV học chương trình TT – CLC**

stt	Các yếu tố tác động	Tỷ lệ lựa chọn %	Điểm tb
1	Sự hỗ trợ về tài chính từ Đại học	58,3	2,32
2	Công nghệ và nghiên cứu tài nguyên	45,8	2,73
3	Các vấn đề kinh doanh có liên quan	33,4	2,53
4	Chương trình tư vấn và huấn luyện.	41,6	2,67
5	Các cuộc thi và hội thảo	37,7	2,55
6	Học vấn, kinh nghiệm của nhà đầu tư tiềm năng	45,8	2,22
7	Đổi mới và tạo ý tưởng mới	32,9	2,71
8	Tiếp thị kinh doanh	54,2	2,60
9	Hoạt động với các DN có kinh nghiệm	29,2	2,65
10	Lập kế hoạch kinh doanh	57,2	2,30
11	Tài trợ cho dự án kinh doanh	44,3	2,52
12	Các công ty gia đình	29,8	2,85

(Nguồn: Tác giả tự xây dựng)

tiên– chất lượng cao: Sinh viên tiên tiến– chất lượng cao có biểu hiện của TTDN với tỷ lệ khá cao và thực sự một phần trong số họ đã bắt tay xúc tiến cho việc xây dựng kinh doanh ngay từ khi còn là sinh viên. Đây thực sự là một điểm mới và là kết quả của chương trình, môi trường mới.

#### **4. Các gợi ý từ việc nghiên cứu TTDN của SV học chương trình TT – CLC nhằm phát triển TTDN cho sinh viên Việt Nam**

##### ***Nguyên tắc chung:***

Cả xã hội tôn trọng và tạo điều kiện phát triển TTDN trong cả xã hội và trong tầng lớp sinh viên hiện nay. “Đảng và Nhà nước cần phải tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để đội ngũ doanh nhân Việt Nam ngày càng lớn mạnh và tham gia tích cực vào sự nghiệp xây dựng đất nước vì mục tiêu “Dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”. (Phạm Duy Đức, 2008).

##### ***Gợi ý các việc làm thiết thực***

Thực hiện thật tốt công việc hướng nghiệp cho học sinh phổ thông, cung cấp đầy đủ các kiến thức về nghề kinh doanh, những khó khăn, rào cản và lợi ích từ hoạt động này.

Thực hiện tốt các khóa bồi dưỡng về tinh thần doanh nhân cả lý thuyết và thực hành

Trong chương trình đào tạo đại học nên có phần lồng ghép, hướng dẫn TTDN.

Phát huy năng lực kinh doanh, tạo môi trường để SV thể hiện được TTDN của họ.

Các trường đại học nên chăng có các cơ sở thực thi và nghiên cứu kinh doanh để sinh viên thể hiện được khả năng mỗi người.

Cố gắng hỗ trợ ban đầu cho ý tưởng tham gia kinh doanh, lập nghiệp, lập doanh nghiệp của sinh viên vừa ra trường hay đã được vài năm. Muốn vậy, các cơ sở đào tạo cần có dự án, chương trình phát hiện SV có tinh thần để bồi dưỡng, hỗ trợ ngay từ trên ghế nhà trường và thậm chí còn tốt hơn, nếu dự án này được thực hiện sớm hơn, không chờ tới khi họ trở thành SV (coi quá trình bồi dưỡng đào tạo này như một nội dung của chính sách đào tạo, bồi dưỡng nhân tài về toán học, vật lý, kỹ thuật,... mà Việt Nam đã từng có nhiều thành công trong các năm qua).

Thực hiện tốt vai trò nhà nước trong phát triển TTDN, với các chính sách bảo trợ, hỗ trợ, khuyến khích tương ứng. Trước hết là hỗ trợ vay vốn lập doanh nghiệp, hay vốn cho học tập cách kinh doanh;...

Điều cốt yếu, SV tự rèn luyện tinh thần dũng cảm, tự tin, vượt khó theo TTDN khi còn là SV và cả khi đã ra trường, sao cho họ thực sự là các hạt nhân quy tụ và nhân lên TTDN trong cả xã hội Việt Nam.

#### **5. Kết quả nghiên cứu chung toàn bài – nhận định về TTDN của sinh viên học chương trình tiên tiến – chất lượng cao**

(1). Sinh viên học chương trình tiên tiến – chất

lượng cao có biểu hiện của TTDN cao hơn (khoảng 2 lần) so với sinh viên ở các chương trình đào tạo khác.

(2). Sinh viên học chương trình tiên tiến– chất lượng cao có biểu hiện xây dựng công việc kinh doanh ngay từ khi họ còn trên ghế nhà trường.

(3). Sinh viên học chương trình tiên tiến– chất lượng cao có tính năng động và tinh thần trách nhiệm cao.

(4). Nguyên nhân có sự khác nhau giữa sinh viên học chương trình tiên tiến– chất lượng cao và hệ đào tạo khác xuất phát từ chương trình học tập và môi trường sống rộng hơn, giao lưu nhiều hơn.

(5). Nên tăng cường cho hệ đào tạo theo chương trình tiên tiến- chất lượng cao tại trường đại học kinh tế quốc dân, (và mở rộng ra trên toàn quốc).

### 6. Kết luận

Tinh thần doanh nhân Việt Nam đã từng khẳng định sức sống của nó trong những hoàn cảnh khó khăn. Ngày nay, với xu hướng hội nhập, được đề cao, được tạo điều kiện phát triển, tinh thần ấy sẽ

được nảy nở cùng với những tư tưởng tiến bộ khác tạo nên bước đột phá trong sự nghiệp phát triển đất nước. Tương lai thuộc về những ai có và thực hiện tinh thần doanh nhân, trong đó, có sinh viên học chương trình tiên tiến – chất lượng cao.

Qua việc nghiên cứu, khẳng định thêm điều, “các chương trình đào tạo của AEP mang tính thực tiễn cao, phù hợp với sinh viên Việt Nam. Khi theo học các chương trình của AEP, sinh viên có khả năng tự duy một cách khoa học và độc lập về các vấn đề của nền kinh tế thế giới, cũng như nền kinh tế Việt Nam. Đó là những vấn đề mà từng quốc gia, từng doanh nghiệp, từng cá nhân phải đối mặt. Nhờ đó, sau khi tốt nghiệp, AEP có cơ hội tìm việc làm rộng lớn ở các tổ chức quốc tế, các cơ quan chính phủ, các doanh nghiệp, các tổ chức tài chính, các ngân hàng”, góp phần đưa tới sự phồn vinh của đất nước. Tinh thần Việt ấy sẽ được nhân rộng ra các chương trình đào tạo khác của trường đại học Kinh tế quốc dân cũng như trong toàn ngành giáo dục đại học. □

### Tài liệu tham khảo:

- Galina Shirokova and Alexander Kulikov (2011), National report Russia - Global University Entrepreneurial Spirit Students' Survey, St.Petersburg State University, từ <http://www.guesssurvey.org>; Januar 27, 2013 ©2003–2012 KMU-HSG University of St.Gallen
- Nguyễn Việt Lộc (2011), ‘Tinh thần kinh doanh - Cơ sở xây dựng hệ giá trị văn hóa doanh nhân Việt Nam’, Chuyên san Kinh tế và Kinh doanh, tập 27 (2011). Tr 232-239.
- Phạm Duy Đức (2008), Một số suy nghĩ về Văn hóa Doanh nhân trong thời kỳ đổi mới hiện nay, truy cập ngày 10 tháng 6 năm 2013, từ [http://www.doanhnhan360.com/Desktop.aspx/Lanh-dao-360/Lanh-dao/Van\\_hoa\\_Doanh\\_nhan\\_thoi\\_doi\\_moi/](http://www.doanhnhan360.com/Desktop.aspx/Lanh-dao-360/Lanh-dao/Van_hoa_Doanh_nhan_thoi_doi_moi/).
- Steve Strauss (2006), ‘Vai trò của Chính phủ trong việc khuyến khích các doanh nghiệp nhỏ phát triển’, truy cập ngày 10 tháng 6 năm 2013, từ [http://vietnamese.vietnam.usembassy.gov/doc\\_ej0106\\_iii.html](http://vietnamese.vietnam.usembassy.gov/doc_ej0106_iii.html)

### Current situation and solutions to the development of entrepreneurship in students of the advanced program in the National Economics University

*Abstract:*

*Entrepreneurship plays a vital role in economic development. And this spirit should be developed in the students. This article analyses the basic principles of entrepreneurship to assess the development of entrepreneurship in students of the advanced program at the National Economics University. Based on the results, the author recommends some solutions to better developing entrepreneurship in students.*

### Thông tin tác giả:

\***Lê Ngọc Thông**, tiến sĩ

- Nơi công tác: Khoa Lý luận chính trị, trường đại học Kinh tế quốc dân.

- Lĩnh vực nghiên cứu chuyên sâu của tác giả: Triết học, kinh tế học, kinh tế chính trị

Email: [thongln@neu.edu.vn](mailto:thongln@neu.edu.vn)